

Số: 131/2023/NQ-HĐND

Nam Định, ngày 09 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Nam Định

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định thu tiền sử dụng đất; Thông tư số 77/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC; Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT- BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Văn bản số 413/UBTVQH-CTĐB ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc điều chỉnh bảng giá đất;

Xét Tờ trình số 139/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Nam Định; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Nam Định (*Chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết và chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn và tính chính xác của hệ số điều chỉnh giá đất.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Khoá XIX, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 2, Điều 3;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HU, HĐND, UBND các huyện, TP;
- Công báo tỉnh; Báo Nam Định;
- Website Chính phủ; Website tỉnh;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT. ~~705~~

CHỦ TỊCH



Lê Quốc Chính



Phụ lục

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH

(Kèm theo Nghị quyết số 131/2023/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

I. THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
A	ĐẤT Ở	
I	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất tại Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Nam Định (sau đây gọi chung là Bảng giá đất) có hệ số >1	
1	Đường Trường Chinh	
	Từ đường Thái Bình đến đường Phù Nghĩa	1,1
	Từ đường Phù Nghĩa đến đường Nguyễn Đức Thuận (phía Bắc) và đường Hùng Vương (phía Nam)	1,1
2	Đường Văn Cao	
	Ngã tư Song Hào đến Cầu Gia	
	a- Không tiếp giáp đường sắt	1,1
	b- Tiếp giáp đường sắt	1,1
	Từ Cầu Gia đến hết địa phận TP. Nam Định	
	a- Không tiếp giáp đường sắt	1,1
	b- Tiếp giáp đường sắt	1,1
3	Đường Kênh	
	Từ đường Điện Biên đến đường Đông A	1,2
	Từ đường Đông A đến UBND phường (đường Tứ Mạc)	1,2
4	Đường Trần Huy Liệu	
	Ngã ba Mỹ Trọng - Quốc lộ 10 mới	1,1
5	Đường Phù Nghĩa	
	Từ đường Trường Chinh đến cầu Lộc Hạ	1,1
6	Đường Thái Bình	
	Từ đường Hàn Thuyên đến đường Thanh Bình	1,1

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
7	Đường Thanh Bình	
	Từ đường Thái Bình đến Trạm dầu lửa	1,1
	Từ trạm dầu lửa đến Kênh T3-11	1,1
8	Đường Trần Thánh Tông	
	Từ đường Phù Nghĩa đến đường Nguyễn Thị Trinh	1,2
	Từ đường Nguyễn Thị Trinh đến đường Võ Nguyên Giáp	1,2
	Khu đô thị Hoà Vượng	
9	Đường Đông A	
	Từ Đài phun nước đến Quốc lộ 10 mới	1,3
10	Đường Ngô Sỹ Liên	
	Từ đường Trần Khánh Dư đến đường Trần Anh Tông	1,3
11	Đường Trần Khánh Dư	
	Từ đường Đông A đến đường Trần Anh Tông	1,3
12	Đường Trương Hán Siêu	
	Từ đường Giải Phóng đến đường Trần Anh Tông	1,3
13	Đường Nguyễn Công Trứ	
	Từ Trụ sở Công an tỉnh đến đường Điện Biên	1,3
14	Đường Trần Đại Nghĩa	
	Từ đường Kênh đến đường Trần Anh Tông	1,3
15	Đường Nguyễn Viết Xuân	
	Từ đường Chu Văn An đến đường Trần Anh Tông	1,3
16	Đường Chu Văn An	
	Từ đường Nguyễn Viết Xuân đến đường Trương Hán Siêu	1,3
17	Đường Lê Văn Hưu	
	Từ Công ty vận tải ô tô đến đường Trần Khánh Dư	1,3
18	Đường Phùng Chí Kiên	
	Từ đường Đông A đến Khu dân cư Tân An	1,3

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
19	Đường Nguyễn Bình Khiêm	
	Từ đường Trương Hán Siêu đến khu dân cư Tân An	1,3
20	Đường Yết Kiêu	
	Từ đường Đông A đến Trương Hán Siêu	1,3
21	Đường Trần Anh Tông	
	Từ Trung tâm TĐTT đến Điện Biên	1,3
22	Đường Nguyễn Văn Hoan	
	Từ Đường Trần Anh Tông đến đường Chu Văn An	1,3
23	Đường Trần Nguyên Đán	
	Từ đường Trần Anh Tông đến đường Lê Văn Hưu	1,3
24	Đường Đặng Văn Ngữ	
	Từ đường Trần Anh Tông đến đường Nguyễn Công Trứ	1,3
25	Đường Đào Sư Tích	
	Từ đường Trần Anh Tông đến đường Nguyễn Viết Xuân	1,3
26	Đường Phạm Văn Nghị	
	Từ đường Trần Khánh Dư đến đường Nguyễn Viết Xuân	1,3
27	Đường Nguyễn Thiếp	
	Từ Trần Khánh Dư đến Chu Văn An	1,3
28	Đường Nguyễn Thục	
	Từ Đào Sư Tích đến Trần Bá Ngọc	1,3
29	Đường Trần Bá Ngọc	
	Từ A1 đến Tôn Thất Đàm	1,3
30	Đường Đinh Thúc Dự	
	Từ đường Ngô Sĩ Liên đến Trần Bá Ngọc	1,3
31	Đường Phạm Hữu Du	
	Từ đường Lê Văn Hưu đến Đỗ Huy	1,3

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
32	Đường Đinh Lễ	
	Từ Chu Văn An đến Bùi Ngọc Oánh	1,3
33	Đường Vũ Cao	
	Từ Chu Văn An đến Đinh Thúc Dự	1,3
34	Đường Đặng Tiến Đông	
	Từ Nguyễn Công Trứ đến đường Trần Bá Hai	1,3
35	Đường Trần Thiên Trạch	
	Từ Nguyễn Công Trứ đến đường Đỗ Quang	1,3
36	Đường Hồ Xuân Hương	
	Từ Phạm Văn Nghị đến đường Trần Bá Giáp	1,3
37	Đường Nguyễn Biểu	
	Từ Trương Hán Siêu đến đường Hoàng Minh Giám	1,3
38	Đường Trần Quang Triều	
	Từ Nguyễn Văn Hoan đến đường N1	1,3
39	Đường Trần Nhân Trứ	
	Từ Trần Khánh Dư đến đường Nguyễn Cảnh Dị	1,3
40	Đường Trần Bá Hai	
	Từ Trần Đại Nghĩa đến đường D2	1,3
41	Đường Bùi Tân	
	Từ Ngô Sỹ Liên đến Lý Văn Phúc	1,3
42	Đường Bùi Ngọc Oánh	
	Từ Trần Khánh Dư đến Phạm Hữu Du	1,3
43	Đường Đặng Thế Phong	
	Từ đường Trần Khánh Dư đến đường Vũ Cao	1,3
44	Đường Đỗ Hựu	
	Từ Ngô Sỹ Liên đến Đinh Lễ	1,3

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
45	Đường Phạm Công Trứ	
	Từ Phùng Chí Kiên đến đường Nguyễn Biểu	1,3
46	Đường Hoàng Minh Giám	
	Từ Nguyễn Công Trứ đến đường Trần Quang Triều	1,3
47	Đường E4	
	Từ Trần Đại Nghĩa đến E2	1,3
48	Đường Phó Đức Chính	
	Từ Trần Khánh Dư đến đường Phan Kế Bính	1,3
49	Đường Nguyễn Cảnh Dị	
	Từ Nguyễn Công Trứ đến đường Bùi Tân	1,3
50	Đường Vũ Phạm Hàm	
	Từ Trần Đại Nghĩa đến đường Trần Thiên Trạch	1,3
51	Đường M1 (KĐT Hòa Vượng)	
	Từ Phùng Chí Kiên đến đường Đội Nhân	1,3
52	Đường M4 (KĐT Hòa Vượng)	
	Từ Nguyễn Công Trứ đến đường Khúc Hạo	1,3
53	Đường Trần Tử Bình	
	Từ Chu Văn An đến đường Kim Đồng	1,3
54	Đường Vũ Giao Hoan	
	Từ Phạm Văn Nghị đến đường Lê Trọng Hàm	1,3
55	Đường Phan Kế Bính	
	Từ Đào Sư Tích đến đường Trần Bá Ngọc	1,3
56	Đường E2 (KĐT Hòa Vượng)	
	Từ Chu Văn An đến đường E1	1,3
57	Đường Trần Bá Giáp	
	Từ đường Trần Đại Nghĩa đến đường Trần Bích Hoành	1,3

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
58	Đường Phan Phu Tiên	
	Từ Phạm Văn Nghị đến đường E4	1,3
59	Đường Đào Diệu Thanh	
	Từ Trần Khánh Dư đến đường Hồ Xuân Hương	1,3
60	Đường Lê Trọng Hàm	
	Từ Trần Khánh Dư đến đường Trần Tử Bình	1,3
61	Đường Kim Đồng	
	Từ Trần Đại Nghĩa đến đường Vũ Giao Hoan	1,3
62	Đường N1 (KĐT Hòa Vượng)	
	(Từ Phùng Chí Kiên đến đường Đặng Dung)	1,3
63	Đường N4 (KĐT Hòa Vượng)	
	(Từ Nguyễn Công Trứ đến đường Đốc Ngữ)	1,3
64	Đường D2 (KĐT Hòa Vượng)	
	(Từ Phạm Văn Nghị đến đường D1)	1,3
65	Đường A1 (KĐT Hòa Vượng)	
	(Từ Trần Anh Tông đến đường Lê Hiến Giản)	1,3
66	Đường Đội Nhân	
	Từ Nguyễn Văn Hoan đến đường M4	1,3
67	Đường Khúc Hạo	
	Từ Trần Nguyên Đán đến đường M1	1,3
68	Đường Đỗ Quang	
	Từ Nguyễn Viết Xuân đến đường Vũ Phạm Hàm	1,3
69	Đường D1 (KĐT Hòa Vượng)	
	(Từ Nguyễn Viết Xuân đến đường Trần Bích Hoàng)	1,3
70	Đường Đốc Ngữ	
	Từ đường N1 đến Đặng Văn Ngữ	1,3

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
71	Đường Tôn Thất Đàm	
	Từ Trần Anh Tông đến đường B3 Phó Đức Chính	1,3
72	Đường Trần Bích Hoành	
	Từ Nguyễn Công Trứ đến đường D4 Trần Bá Hai	1,3
73	Đường Lý Văn Phức	
	Từ Lê Văn Hưu đến đường Trần Nhân Trứ	1,3
74	Đường Đặng Dung	
	Từ đường N4 đến Trần Nguyên Đán	1,3
75	Đường E1 (KĐT Hòa Vượng)	
	(Từ Nguyễn Viết Xuân đến đường Phan Phú Tiên)	1,3
76	Đường Lê Hiến Giản	
	Từ đường Nguyễn Viết Xuân đến đường Nguyễn Thục	1,3
77	Đường Bùi Huy Đáp - Phường Hạ Long	
	Từ đường Phù Nghĩa đến hết địa phận chợ Hạ Long	1,1
78	Đường Vũ Ngọc Phan - Dãy A - ô 20 P. Hạ Long	
	Từ đường Phù Nghĩa đến hết dãy	1,1
79	Đường Lê Ngọc Hân -Dãy B - ô 20 phường Hạ Long	
	Từ đường Phù Nghĩa đến đường Nguyễn Thị Trinh	1,1
80	Đường Đinh Thị Vân -Dãy C - ô 20 phường Hạ Long	
	Từ đường Phù Nghĩa đến đường Nguyễn Thị Trinh	1,1
81	Đường Lương Văn Can - Sau trường Cao đẳng sư phạm phường Hạ Long	
	Từ đường Phù Nghĩa đến tập thể Thực phẩm	1,1
82	Đường Lưu Hữu Phước	
	Từ ngã ba đường Phù Nghĩa đến giáp KĐT Mỹ Trung	1,1
83	Đường Chu Văn - phường Hạ Long	
	Từ đường Phù Nghĩa đến đường Thanh Bình	1,1

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
84	Đường Nam Cao - dọc Mương T3-11 P. Hạ Long	
	Từ cầu Lộc Hạ đến khu đô thị Mỹ Trung	1,1
	Khu tái định cư Trầm Cá	
85	Đường Nguyễn Thế Rục	
	Từ đường Trần Huy Liệu - Văn Cao	1,4
86	Đường Lê Anh Xuân	
	Từ mương nước đến công ty Tổng hợp	1,1
87	Đường Nguyễn An Ninh	
	Từ đường Trần Huy Liệu đến công ty Tổng hợp	1,1
88	Đường Nguyễn Thái Học	
	Từ đường Trần Huy Liệu đến công ty Tổng hợp	1,1
89	Đường Nguyễn Huy Tường	
	Từ đường Nguyễn Tri Phương đến đường Phùng Hưng	1,1
90	Đường Nguyễn Thượng Hiền - xã Lộc An	
	Từ Trần Huy Liệu đến Phùng Hưng	1,1
91	Đường Nguyễn Tri Phương	
	Từ đường Giải Phóng - dọc mương nước khu Trầm Cá	1,1
92	Đường Trần Khát Chân	
	Từ mương tiêu nước đến khu dân cư cũ	1,1
93	Đường Đào Hồng Cẩm	
	Từ đường Trần Khát Chân đến đường Nguyễn Huy Tường	1,1
94	Đường Trần Quý Cáp	
	Từ đường Lê Anh Xuân đến đường Nguyễn Thái Học	1,1
95	Đường Xuân Diệu	
	Từ đường Trần Khát Chân đến đường Nguyễn Huy Tường	1,1
96	Đường Trịnh Hoài Đức	
	Từ đường Nguyễn Thái Học đến Nguyễn Thế Rục	1,1
	Từ đường Nguyễn Thế Rục đến đường Trần Khát Chân	1,1

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
97	Đường Phùng Hưng	
	Từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Trần Khát Chân	1,1
98	Đường Nguyễn Cảnh Chân (N2 cũ) - Khu TĐC Trầm Cá	
	Từ đường Lê Anh Xuân đến đường Nguyễn An Ninh	1,1
99	Đường Đỗ Huy Uyển	
	Từ đường Lê Anh Xuân đến đường Nguyễn An Ninh	1,1
100	Đường Hoàng Ngọc Phách	
	Từ Nguyễn Huy Tường đến Trần Khát Chân	1,1
101	Đường Hoài Thanh	
	Từ Đào Hồng Cẩm đến Xuân Diệu	1,1
102	Đường Nguyễn Văn Cừ (khu TĐC Đồng Quýt)	
	Từ Trần Nhân Tông đến Mương Kênh Gia	1,1
103	Đường Tô Ngọc Vân (khu TĐC Đồng Quýt)	
	Từ đường Phạm Huy Thông đến khu dân cư cũ	1,1
104	Đường Đặng Thái Mai (khu TĐC Đồng Quýt)	
	Từ đường Phạm Huy Thông đến đường Tạ Quang Bửu	1,1
105	Đường Phan Huy Chú (khu TĐC Đồng Quýt)	
	Từ đường Trần Quốc Hoàn đến đường Tạ Quang Bửu	1,1
106	Đường Tạ Quang Bửu (khu TĐC Đồng Quýt)	
	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến khu dân cư cũ	1,1
107	Đường Bùi Thị Xuân (khu TĐC Đồng Quýt)	
	Từ đường Tô Ngọc Vân đến đường Đỗ Nguyên Sáu	1,1
108	Đường Tôn Thất Tùng (khu TĐC Đồng Quýt)	
	Từ đường Văn Cao đến khu dân cư cũ	1,1
109	Đường Trần Quốc Hoàn (N2 cũ) - khu TĐC Đồng Quýt	1,1
110	Đường N4 - khu TĐC Đồng Quýt	
	Từ đường Đặng Thái Mai đến đường Phan Huy Ích	1,1

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
111	Đường N5 - khu TĐC Đồng Quýt	
	Từ đường Đặng Thái Mai đến đường Phan Huy Ích	1,1
112	Đường Vũ Công Tự (N7 cũ) - khu TĐC Đồng Quýt	
	Từ đường Đặng Thái Mai đến đường Phan Huy Chú	1,1
113	Đường Phạm Huy Thông (D2 cũ) - khu TĐC Đồng Quýt	
	Từ khu dân cư cũ đến đường Phan Huy Chú	1,1
114	Đường Đặng Tất (D3 cũ) - khu TĐC Đồng Quýt	
	Từ đường Phạm Huy Thông đến đường Tôn Thất Tùng	1,1
115	Đường Phan Huy Ích (D8 cũ) - khu TĐC Đồng Quýt	
	Từ đường Trần Quốc Hoàn đến đường Bùi Thị Xuân	1,1
116	Đường Lê Trục (D11 cũ) - khu TĐC Đồng Quýt	
	Từ đường Vũ Công Tự đến đường Tạ Quang Bửu	1,1
117	Đường Đỗ Nguyên Sáu (D10 cũ) - khu TĐC Đồng Quýt	
	Từ Bùi Thị Xuân đến đường Trần Quốc Hoàn	1,1
118	Đường Đặng Văn Minh- khu TĐC Đồng Quýt	
	Từ Tôn Thất Tùng đến đường Trần Quốc Hoàn	1,1
119	Quốc lộ 10 mới	
	1-Từ công ty Đại Lâm đến đầu chân Cầu Vượt xã Lộc An	
	a- Đoạn thuộc phường Lộc Vượng	1,4
	b- Đoạn thuộc xã Lộc An	1,1
	2-Từ chân cầu vượt Lộc An đến hết địa phận TP. Nam Định	
	a-Phía giáp đường sắt	1,1
	b-Phía không giáp đường sắt	1,1
120	Đường Bái (Thôn Bái qua Thượng Lỗ ra đường Trần Thái Tông) P. Lộc Vượng	
	Từ đường Trần Thái Tông đến đường Kênh	1,2
121	Xã Lộc An	
	KV1: Thôn Lộng Đồng, Gia Hòa, xóm Thị Kiều, xóm Trại	1,1
	KV2: Thôn Vụ Bản	1,1

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
122	Đường Lê Xuân Oai (D3 cũ) - Khu TĐC Đông Đông Mạc	
	Từ đường Phạm Văn Xô đến đường Trần Thánh Tông	1,3
123	Đường Nguyễn Thị Trinh (D4 cũ) - Khu TĐC Đông Đông Mạc	
	Từ đường Nguyễn Đức Cảnh đến đường Trần Thánh Tông	1,1
124	Đường Nguyễn Đức Cảnh (Khu TĐC Đông Đông Mạc)	
	Từ đường Nguyễn Đức Thuận đến cầu Lộc Hạ (Đường ven mương T3-11 cũ)	1,1
125	Đường Vũ Năng An (Khu TĐC Đông Đông Mạc)	
	Từ Trần Thánh Tông đến Nguyễn Đức Thuận	1,1
126	Đường trong khu đô thị Dệt may Nam Định	
	Đường rộng 20,5m	1,2
	Đường rộng 16,5m	1,1
II	Các khu vực, tuyến đường, vị trí còn lại trong Bảng giá đất	1,0
B	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH	
	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất	1,0
C	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	
	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất	1,0

2. HUYỆN MỸ LỘC

A	ĐẤT Ở	
I	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất có hệ số >1	
1	XÃ MỸ THẮNG	
	Đường xã	
	Từ đường 63 B đi cầu Sắc Nhân Hậu	1,1
2	XÃ MỸ HÀ	
	Đường 63B	
	Từ giáp xã Mỹ Thắng đến đường vào thôn 1	1,1
	Đường Thắng Hà	
	Đoạn từ Cầu Đập đến Đê Ất Hợi	1,1

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
3	XÃ MỸ TIẾN	
	Tuyến đê ất Hội	
	Đoạn từ Lăng nhà thánh đến giáp xã Mỹ Hà	1,1
	Đường liên thôn đoạn từ (Dốc Nguồn đến Phạm Thúc)	1,1
II	Các khu vực, tuyến đường, vị trí còn lại trong Bảng giá đất	1,0
B	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH	
	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất	1,0
C	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	
	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất	1,0

3. HUYỆN VỤ BẢN

A	ĐẤT Ở	
I	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất có hệ số >1	
1	XÃ THÀNH LỢI	
	Tuyến đường trục huyện Bất Di đi Dốc Sấn	
	Từ giáp công trụ sở UBND xã cũ (Đường rẽ vào Xóm Đông) đến hết trạm y tế xã	1,2
	Tuyến đường trục huyện Từ xóm Dương Lai đi bờ sông Hùng Vương	
	Từ đường sắt (Quốc Lộ 10 xóm Dương Lai) đến hết ngã tư HTX Cốc Thành	1,4
	Từ hết ngã Từ HTX Cốc Thành → Cầu Hùng Vương đến giáp xã Đại Thắng	1,4
	Tuyến trục xã	
	Đoạn từ Dốc Sấn Đến Bến đò Kĩa	1,4
2	XÃ TÂN THÀNH	
	Tuyến trục xã	
	Từ đường sắt (Quốc lộ 10) đến đê Đại Hà	1,2
	Từ Tuyến giao thông Xóm 1 đến xóm 5	1,3
	Từ Tuyến giao thông Xóm 6, 7, 8	1,3
	Điểm dân cư tập trung Tân Thành	1,3

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
3	XÃ ĐẠI THẮNG	
	Khu vực nông thôn còn lại	
	Đoạn từ điểm nối sông Hùng Vương (Thôn Hồng Tiến) đến đê Bồi Đồng Tâm (Thôn Hòa Tiên)	1,6
4	XÃ MINH TÂN	
	Đường Tân Khánh - Liên Bảo	
	Đoạn từ nhà bà Bồi Đến hết ngã tư sau nhà ông Ngoạn	1,3
5	XÃ CỘNG HÒA	
	Đường liên thôn	
	Đường nối Quốc lộ 38B qua khu lưu niệm nhà thơ Nguyễn Bính đến đường Dộc Vây	1,3
6	XÃ ĐẠI AN	
	Khu vực dân cư còn lại	
	Khu vực 1: Các thôn: Đại Đê, Thượng Đại Đê, xóm Giữa An Duyên	1,2
	Khu vực 2: Các thôn: Thượng An Duyên; xóm Đông, Tây, Trung Đại Đê; Cự; Ngói; Miếu	1,2
	Khu vực 3: Các thôn, xóm còn lại	1,3
7	XÃ TÂN KHÁNH	
	Tuyến đường huyện Cầu Hợ - Hạnh Lâm	
	Từ cầu Thà Là (giáp Minh Thuận) đến cầu Bàn Kết	1,1
	Từ giáp cầu Bàn Kết đến hết ngã ba chợ Đống Lương	1,1
	Từ ngã ba chợ Đống Lương đến trạm bơm Vực Hàu	1,1
	Đường Tân Khánh - Liên Bảo	
	Đoạn từ ao Vực Hàu Đến giáp xã Minh Tân.	1,4
8	XÃ HIỂN KHÁNH	
	Tuyến đường Quốc lộ 21	
	Từ cầu Mái đến hết hộ ông Lanh (giáp huyện Mỹ Lộc)	1,2
	Nam Quốc Lộ 21 (Nam đường sắt)	1,3
	Tuyến Tỉnh lộ 486B đi Quốc lộ 21	
	Từ giáp Cộng Hòa đến đường vào thôn Liên Phú	1,2

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
	Từ đường vào thôn Liên Phú đến hết cổng trường THPT Nguyễn Bính	1,1
	Từ cổng trường THPT Nguyễn Bính đến đường Nam thôn Đào	1,2
	Từ đường Nam thôn Đào đến đường QL 21	1,2
	Đường trục xã	
	Từ đường tỉnh lộ 486 B (cổng Ngựa) đến Cầu Mái (Đường Quốc Lộ 21)	1,2
	Từ ngã ba tỉnh lộ 486B đi Tân Khánh	1,4
9	XÃ HỢP HƯNG	
	Đường Bối Xuyên - Khả Chính	1,2
	Tuyến trục xã	
	Từ cầu Đồng Lạc đến khu dân cư thôn Lập Vũ	1,3
	Khu vực nông thôn còn lại	
	Khu vực 1: Thôn Thị An, Thôn Thám Hòa	1,2
	Khu vực 2: Thôn Tiên Chương, Thôn Lập Vũ, Thôn Khả Chính, Thôn Đồng Lạc, Thôn Vàng, Thôn Nội Chế	1,3
	Khu vực 3 - Các thôn, xóm còn lại	1,5
II	Các khu vực, tuyến đường, vị trí còn lại trong Bảng giá đất	1,0
B	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH	
I	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất có hệ số >1	
1	THỊ TRẤN GÔI	
	Quốc lộ 10	
	Từ giáp cổng trường Lương Thế Vinh đến hết địa phận Thị trấn Gôi (nhà ông Thiện)	1,4
II	Các khu vực, tuyến đường, vị trí còn lại trong Bảng giá đất	1,0
C	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	
	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất	1,0

4. HUYỆN Ý YÊN

A	ĐẤT Ở	
	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất	1,0

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
B	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH	
	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất	1,0
C	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	
I	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất có hệ số >1	
1	XÃ YÊN TIÊN	
	Quốc lộ 10 từ giáp đất Yên Hồng đến giáp đất Yên Ninh	1,2
II	Các khu vực, tuyến đường, vị trí còn lại trong Bảng giá đất	1,0

5. HUYỆN NAM TRỰC

A	ĐẤT Ở	
	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất	1,0
B	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH	
I	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất có hệ số >1	
1	THỊ TRẤN NAM GIANG	
	Đoạn từ ngã ba đường Vàng B đến giáp đất xã Nam Dương	1,3
2	XÃ NAM THANH	
	Đường huyện lộ: Đường Nam Ninh Hải	
	Đoạn từ bãi rác Nam Hồng đến cầu Xối Tây	1,1
3	XÃ ĐÔNG SƠN	
	Tỉnh lộ 490C (Đường 55 cũ)	
	Đoạn từ Ngã tư đường Đen xuống thôn Nam Phong	1,1
II	Các khu vực, tuyến đường, vị trí còn lại trong Bảng giá đất	1,0
C	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	
I	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất có hệ số >1	
1	XÃ NAM THANH	
	Quốc lộ 21	
	Đoạn từ cầu thôn Nội đến giáp công Cỏ Lẽ (Giáp Huyện Trực Ninh)	1,2
II	Các khu vực, tuyến đường, vị trí còn lại trong Bảng giá đất	1,0

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
-----	------------------------------	--------------------------

6. HUYỆN NGHĨA HƯNG

A	ĐẤT Ở	
	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất	1,0
B	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH	
	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất	1,0
C	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	
	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất	1,0

7. HUYỆN TRỰC NINH

A	ĐẤT Ở	
	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất	1,0
B	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH	
	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất	1,0
C	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	
I	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất có hệ số >1	
1	THỊ TRẤN NINH CƯỜNG	
	Quốc lộ 37B (Đường 56 cũ)	
	Đoạn từ giáp đê sông Ninh Cơ: Phía Bắc đường đến cổng giữa vào giáo xứ Ninh Cường; Phía Nam đường đến đường dọc giáp nhà ông Huệ	1,6
II	Các khu vực, tuyến đường, vị trí còn lại trong Bảng giá đất	1,0

8. HUYỆN XUÂN TRƯỜNG

A	ĐẤT Ở	
I	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất có hệ số >1	
1	XÃ XUÂN NGỌC	
	Khu vực dân cư còn lại	
	Khu vực 3: Các thôn còn lại	1,1

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
2	XÃ XUÂN VINH	
	Đường tỉnh 489	
	Từ giáp cây xăng Xuân Bôn đến cầu Nam Điền A	1,1
3	XÃ THỌ NGHIỆP	
	Đường trục xã	
	Từ cầu Đông lạnh đến nhà ông Tinh	1,1
	Từ nhà ông Tinh đến cầu Đò	1,1
4	XÃ XUÂN HỒNG	
	Đường tỉnh 489	
	Từ khu dân cư xóm 15 (xóm 32 cũ) đến giáp nhà ông Tùng	1,1
	Từ cầu đập đến cống Đồng Nê	1,1
	Khu vực dân cư còn lại	
	Khu vực 3: Các xóm còn lại	1,1
5	XÃ XUÂN BẮC	
	Đường Xuân Thủy- Nam Điền	
	Từ cầu Chéo (giáp xã Xuân Thủy) đến hết nhà văn hóa xóm 2	1,1
	Từ nhà ông Bằng xóm 2 đến ngã ba ông Nhật	1,1
	Từ quán ông Tinh đến hết nhà ông Diệm	1,1
	Từ giáp nhà ông Diệm đến giáp cầu xóm 1	1,1
	Từ cầu xóm 1 đến nghĩa trang xã Xuân Phương	1,1
	Đường trục xã	
	Từ ngã ba ông Nhật đến hết tiệm vàng Kim Hằng	1,1
	Từ giáp tiệm vàng Kim Hằng đến cầu Nhất Khu	1,1
	Từ nhà ông Thùy đến cầu Xuân Bắc-Xuân Ngọc (Đường Bắc	1,1
	Phong Đài)	1,1
	Từ UBND xã Xuân Bắc đến giáp cầu xóm 2 sang xóm 5	1,1
	Từ cầu xóm 2 sang xóm 5 đến hết nhà ông Rần xóm 3	1,1

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
	Từ nhà ông Tài xóm 5 đến nhà văn hóa xóm 6	1,1
	Từ giáp NVH xóm 6 đến hết nhà ông Đức xóm 6	1,1
	Từ giáp nhà ông Hà xóm 1 đến giáp nhà ông Kim xóm 1	1,1
	Đường liên xóm	
	Từ giáp nhà ông Tài xóm 5 đến hết nhà văn hóa xóm 3	1,1
	Từ nhà ông Mùi xóm 3 đến hết nhà ông Khuyến xóm 4	1,1
	Từ giáp nhà ông Khuyến xóm 4 đến Miếu xóm 4 giáp xã Xuân Phong	1,1
	Khu vực dân cư còn lại	
	Khu vực 1: Xóm 2. 5	1,1
	Khu vực 2: Xóm 1. 3. 6	1,1
	Khu vực 3: Xóm 4	1,1
6	XÃ XUÂN THỦY	
	Đường tỉnh 488	
	Từ cầu Cờ đến giáp nhà ông Như	1,1
	Đường tỉnh 489 C	
	Từ giáp xã Xuân Ngọc đến giáp xã Xuân Phong	1,1
	Từ cầu số 7 đến cầu số 10	1,1
	Đường Xuân Thủy- Nam Điền	
	Từ cầu Cờ đến hết cầu Chéo Bắc Thủy	1,1
	Đường trục xã	
	Từ nhà ông Hiệu xóm 4 đến cầu ông Quán	1,1
	Đường liên xã Xuân Thủy đi Xuân Phong	1,1
	Khu vực dân cư còn lại	
	Khu vực 1: Xóm 3. 4	1,1
	Khu vực 2: Xóm 6. 3	1,1
	Khu vực 3: Các xóm còn lại	1,1

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
7	XÃ XUÂN ĐÀI	
	Đường tỉnh 488	
	Từ cầu ông Ký đến hết cây xăng ông Tới	1,1
	Khu vực dân cư còn lại	
	Khu vực 2: Xóm 2. 4. 5. 6	1,1
8	XÃ XUÂN TÂN	
	Đường trục xã	
	Từ cầu Láng mới đến Nghĩa địa An đạo	1,1
	Từ giáp nhà ông Duyên đến cầu Tân Thành	1,1
	Khu vực dân cư còn lại	
	Khu vực 1: Xóm 1. Xóm 2	1,1
	Khu vực 2: Xóm 3. xóm 4. Xóm 5	1,1
9	XÃ XUÂN HÒA	
	Đường nhánh 489 C	
	Đoạn từ giáp xã Xuân Tiến đến giáp xã Xuân Vinh	1,1
	Đường trục xã	
	Từ cầu Trung đến UBND xã	1,1
	Đường từ chùa Liên Hoà đến đường 489C	1,1
	Từ UBND xã đi khu dân cư xóm 4 thôn Đoài Ngoại	1,1
	Từ UBND xã đi khu dân cư xóm 6 thôn Hiệp Hoà	1,1
	Từ UBND xã đi thôn Đông Dương	1,1
	Khu vực dân cư còn lại	
	Khu vực 1: thôn Nam Thắng, thôn Đoài Ngoại, thôn Ngọc Liên, thôn Hiệp Hoà, thôn Tiên Phong, thôn Đoài Nam, thôn Đông Dương.	1,1
	Khu vực 2: Các xóm còn lại	1,1
10	XÃ XUÂN THƯỢNG	
	Đường tỉnh 489	
	Từ cầu Đập đến giáp cầu 50	1,2

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
	Từ cầu 50 đến hết nhà ông Toán xóm 10	1,2
	Từ nhà ông Trường xóm 10 đến hết nhà bà Tính xóm 8	1,1
	Đường tỉnh 488	
	Từ cầu 50 đến giáp nương Xuân Hồng	1,2
	Đường trục xã	
	Từ cầu Chùa đến đường tỉnh 489	1,1
	Khu vực 2: Xóm 1. 2. 4	1,1
11	XÃ XUÂN PHONG	
	Đường tỉnh 488	
	Từ giáp xã Xuân Thủy đến giáp xã Xuân Thành	1,1
	Đường tỉnh 489 C	1,1
	Đường liên xã	1,1
	Đường đông sông Cát Xuyên đoạn từ nhà Ông Dương xóm 4 đến cống Thanh Quan Tám	1,1
	Đường trục xã	
	Từ ngã ba xóm 11 đến giáp xã Xuân Đài	1,1
	Từ ngã ba xóm 11 đến đường 488	1,1
	Từ trạm biến áp số 2 đến đường 488	1,1
	Từ cầu xóm 16 đến Chợ Vực	1,1
	Từ nhà ông Thứ đến hết cầu xóm 13	1,1
	Đường tây sông Cát Xuyên đoạn từ giáp xuân thành đến giáp xã Xuân Phương	1,1
	Khu vực dân cư còn lại	
	Khu vực 1: Xóm 13. 14. 15. 16	1,1
	Khu vực 2: Xóm 4. 10, 11. 12. 17	1,1
	Khu vực 3: Các xóm còn lại	1,1
12	XÃ XUÂN THÀNH	
	Từ cầu Đá đến cầu Sắt	1,2

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
	Từ cống Hạ Miêu II đến cống Cát	1,2
	Từ ngã ba cầu ông Mong đến đê Hữu Hồng (Đường 50 kéo dài)	1,2
13	XÃ XUÂN KIÊN	
	Đường tỉnh 489 C	
	Đoạn từ sông Kiên Ninh đến giáp xã Xuân Tiến	1,2
	Đường liên xã, trục xã	
	Đoạn từ cầu xóm 15 đến hết nhà ông Công xóm 19 A cũ	1,2
	Đoạn từ phía Nam Cầu Cả đến cầu xóm 15 cũ	1,2
14	XÃ XUÂN TIẾN	
	Đường trục xã (đường 2 bên sông)	
	Từ cầu NVH xóm 2 đến nhà ông Thiêm	1,1
	Khu vực dân cư còn lại	
	Khu vực 3: Các xóm còn lại	1,1
15	XÃ XUÂN NINH	
	Đường huyện	
	Từ chân cầu Lạc quản đến giáp Công ty cổ phần 27-7	1,1
	Từ công ty cổ phần 27-7 đến giáp cầu Nghĩa Xá	1,1
	Khu vực 1: Xóm 1. Xóm 2. Xóm 3	1,1
	Khu vực 3: Các xóm còn lại	1,1
16	THỊ TRẤN XUÂN TRƯỜNG	
	Đường liên xã	
	Từ UBND thị trấn đến cầu Xuân Tiến	1,2
II	Các khu vực, tuyến đường, vị trí còn lại trong Bảng giá đất	1,0
B	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH	
	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất	1,0
C	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	
	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất	1,0

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
-----	------------------------------	--------------------------

9. HUYỆN HẢI HẬU

A	ĐẤT Ở	
	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất	1,0
B	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH	
I	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất có hệ số >1	
1	THỊ TRẤN YÊN ĐỊNH	
	Đường Tây sông mức Từ cầu Yên Định đến giáp Hải Phương	1,4
II	Các khu vực, tuyến đường, vị trí còn lại trong Bảng giá đất	1,0
C	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	
I	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất có hệ số >1	
1	THỊ TRẤN CỒN	
	Đường 488C từ ngã tư nghĩa trang liệt sỹ đến bến xe Cồn	1,4
	Đường Tây sông Múc từ giáp cầu Cồn trong đến giáp Hải Tân	1,4
2	XÃ HẢI PHÚ	
	Đường 488c từ giáp xã Hải Cường đến giáp xã Hải Phong	1,4
II	Các khu vực, tuyến đường, vị trí còn lại trong Bảng giá đất	1,0

10. HUYỆN GIAO THỦY

A	ĐẤT Ở	
I	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất có hệ số >1	
1	THỊ TRẤN QUÁT LÂM	
	Các tuyến đường khác	
	Đoạn từ nghĩa trang Lâm Dũng đến giáp nhà ông Hường TDP Quý Dũng Sơn	1,1
	Đoạn từ nhà ông Hiền đến giáp Giao Phong	1,1
2	XÃ HOÀNH SƠN	
	Đường trục xã	
	Đoạn từ Cầu Xuất Khẩu (QL37B) đến giáp nhà bà Sinh (xóm Sơn Đài)	1,1
	Đoạn từ Tỉnh lộ 489 đến hết nhà bà Sinh (xóm Sơn Đài)	1,1
	Khu dân cư tập trung Sơn Lâm Thọ	1,1

STT	KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, VỊ TRÍ	Hệ số điều chỉnh giá đất
3	XÃ GIAO AN	
	Khu dân cư Tập trung xóm Trà Lũ	
	Đường trong khu tập trung quy hoạch chi tiết 15m tiếp giáp tỉnh lộ 489	1,1
4	XÃ GIAO YÊN	
	Các khu vực dân cư còn lại	
	Khu vực 2 (xóm: 4, 5, 8)	1,1
5	XÃ GIAO THIỆN	
	Các khu vực dân cư còn lại	
	Khu vực 1 (xóm 2, 3, 4, 5 (xóm 24, 25 cũ))	1,1
	Khu vực 2 (xóm 1, 6, 7)	1,1
6	XÃ GIAO LONG	
	Đường trục xã	
	Đoạn từ cầu bà Tý xóm 2 đến cầu ông Tín xóm 6	1,1
	Các khu dân cư còn lại	
	Khu vực 1 (xóm: 3, 4, 5, 6)	1,1
	Khu vực 2 (xóm 1, 2)	1,1
II	Các khu vực, tuyến đường, vị trí còn lại trong Bảng giá đất	1,0
B	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH	
	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất	1,0
C	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	
	Các khu vực, tuyến đường, vị trí trong Bảng giá đất	1,0